

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Đức Hiệp

2. Ngày tháng năm sinh: 24/09/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 48, ngách 136/6, ngõ 68 Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 84, ngõ 2, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912306884;

E-mail: phamduchiep@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,2006 đến tháng, năm 11,2008: Giảng viên tại Khoa Toán-Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ tháng, năm 12,2008 đến tháng, năm 08,2013: Nghiên cứu sinh tại Khoa Toán, Trường Đại học ETH Zurich, Thụy Sĩ

Từ tháng, năm 03,2014 đến tháng, năm 12,2015: Giảng viên tại Khoa Toán-Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ tháng, năm 02,2016 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên tại Khoa Sư phạm, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên kiêm công tác quản lý (PHT Trường THPT KHGD); Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên kiêm công tác quản lý (PHT Trường THPT KHGD)

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02473017123

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2006, số văn bằng: QC 041451, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 21 tháng 10 năm 2013, số văn bằng: N/A, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học ETH Zurich, Thụy Sĩ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Xấp xỉ Diophantine và lý thuyết số siêu việt;

Lý thuyết số tổ hợp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 10 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
2	Bằng khen GD ĐHQGHN cho thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đăng kí sở hữu trí tuệ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2022

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy định của Nhà trường.
- Luôn có ý thức giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, khách quan, hòa đồng hợp tác với đồng nghiệp.
- Luôn cố gắng, phấn đấu học tập, rèn luyện nâng cao, trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện tốt các công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Luôn cố gắng tham gia vào các công tác phục vụ cộng đồng như tham gia giảng dạy cho các chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi Toán học phổ thông do Viện cao cấp về Toán tổ chức, tham gia giảng dạy cho đội tuyển Toán của Việt Nam dự thi kì thi Olympic Toán học Quốc tế (IMO), tham gia giảng dạy Toán tiếng Anh cho đội tuyển Toán trẻ của Việt Nam dự thi kì thi Olympic Toán và Khoa học Quốc tế (IMSO) trong nhiều năm gần đây.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 5 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

					ĐH đã HD			quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
1	2017-2018			2	2	47	72	119/341,5/229,5
2	2018-2019			3	1		135	135/365/229,5
3	2019-2020			2	2		297	297/477/216
03 năm học cuối								
4	2020-2021			2			243	243/391/200
5	2021-2022			2		156	162	318/466/200
6	2022-2023			2			229.5	229,5/419,5/140

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Thụy Sĩ năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Hồng Anh		X	X		12/2016 đến 06/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/01/2018
2	Trần Thị Thoa		X	X		12/2016 đến 06/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/01/2018
3	Nguyễn Thu Thủy		X	X		12/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/01/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
----	--	-----------	----------------------	---------------------	----------------------

					(ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Xấp xỉ Diophantine và lý thuyết số siêu việt trên trường p-adic	CN	QG.17.36, cấp Bộ	16/02/2017 đến 08/12/2020	08/12/2020 Kết quả: Xếp loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	The p-adic analytic subgroup theorem revisited	2	Không	p -Adic Numbers, Ultrametric Analysis, and Applications	Trong danh mục ISI/Scopus - ESCI IF: N/A, Q2	2	7, 2, 143-156	05/2015
2	Commutative algebraic groups and p-adic linear forms	2	Không	Acta Arithmetica	Trong danh mục ISI/Scopus - SCI IF: 0.59, Q2	1	169, 2, 115-147	06/2015
3	Some applications of the p-adic analytic subgroup theorem	2	Không	Glasnik Matematički	Trong danh mục ISI/Scopus - SCIE IF: 0.432, Q3		51, 2, 335-343	12/2016
4	An improvement	3	Không	Discrete Applied Mathematics	Trong danh mục	10	221, 95-105	04/2017

	on the number of simplices in \mathbb{F}_q^d				ISI/Scopus - SCI IF: 1.254, Q2			
5	A note on transcendence over p-adic fields	1	Có	p -Adic Numbers, Ultrametric Analysis, and Applications	Trong danh mục ISI/Scopus - ESCI IF: N/A, Q2		12, 4, 337-341	11/2020
6	A note on sum-product estimates over finite valuation rings	1	Có	Acta Arithmetica	Trong danh mục ISI/Scopus - SCI IF: 0.59, Q2	4	198, 2, 187-194	03/2021
7	Elliptic curves and p-adic elliptic transcendence	1	Có	Bulletin of the Australian Mathematical Society	Trong danh mục ISI/Scopus - SCIE IF: 0.622, Q2		105, 31- 36	02/2022
8	Schmidt's subspace theorem for non-subdegenerate families of hyperplanes	1	Có	International Journal of Number Theory	Trong danh mục ISI/Scopus - SCIE IF: 0.743, Q2		18, 3, 557-574	04/2022
9	p-adic non-commutative analytic subgroup theorem	1	Có	Comptes Rendus Mathématique	Trong danh mục ISI/Scopus - SCI IF: 0.773, Q2		360, 933- 936	09/2022
10	On the two-parameter Erdős-Falconer distance	4	Có	Bulletin of the Australian Mathematical Society	Trong danh mục ISI/Scopus - SCIE IF: 0.622, Q2	2	107, 502- 506	05/2023

problem in finite fields							
--	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([5] [6] [7] [8] [9] [10])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

Không có

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội., ngày 04 tháng 07 năm 2023

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)